TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNTHANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 8 năm 2021
V/v: "Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Hồng Tuấn**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Tân và ông Phạm Mạnh Cường
- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Năm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 202, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Anh **Hà Văn N** - Sinh năm 1992
Nơi cư trú: Khu 1, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H** - Sinh năm 1991
Nơi cư trú: Khu 2, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ
Chị H vắng mặt. Anh N có đươn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn anh Hà Văn N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, anh N trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện của mình như sau: Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn với nhau ngày 14/11/2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng với bố mẹ đẻ anh tại khu 1, xã C, tình cảm vợ chồng hòa thuận được khoảng 01 năm thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm tính cách nên vợ chồng sống ly thân nhau đến nay đã được 03 năm, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay anh N xác định tình cảm không còn vì vậy yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác anh N trình bày anh và chị H không có nên không yêu cầu giải quyết.

***** Về phía bị đơn là chị Nguyễn Thị H, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng trong quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt mà không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là chị Nguyễn Thị H vẫn vắng mặt mà không có lý do, còn nguyên đơn là anh Hà Văn N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn N và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong thời gian chung sống, do bất đồng về quan điểm tính cách là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, cả hai bên cũng không thực sự có thiện chí để cùng nhau giải quyết bất đồng dẫn đến phải sống ly thân từ nhiều năm nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tìm hiểu xác minh tại địa phương nơi chị H, anh N cư trú thì được biết đã nhiều năm chị H và anh N không còn ở chung với nhau. Như vậy, có căn cứ để khẳng định vợ chồng anh N, chị H đã không còn sống chung để cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ, chồng trong hôn nhân và trên thực tế thì hôn nhân cũng đã không còn tồn tại, nếu cứ tiếp tục ràng buộc sẽ làm cho hôn nhân không có ý nghĩa, mục đích của hôn nhân không đạt được do vậy xét yêu cầu ly hôn của anh N phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung anh Hà Văn N và chị Nguyễn Thị H không có nên không giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác anh Hà Văn N trình bày không có nhưng do bị đơn là chị Nguyễn Thị H vắng mặt nên chưa có căn cứ để giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là anh Hà Văn N phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm, xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là anh Hà Văn N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử: Cho anh Hà Văn N được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung không có nên không không giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Anh Hà Văn N phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh N đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo *"Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án"* số AA/2020/0001664 ngày 04/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã C, h. T;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tạ Hồng Tuấn